

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN LIÊN CHIỀU – TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **44/2020/HNGĐ-ST**  
Ngày: 30 tháng 09 năm 2020  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU- THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Thanh Thủy**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Ngô Văn Sỹ**

2. Ông **Nguyễn Văn Dũng**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Chu Thị Phương Thùy** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông **Võ Quang Tiến** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 09 năm 2020 tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 164/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 05 năm 2020 về “*tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 09 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 09 năm 2020 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Bà **Lê Thị Tr** – Sinh năm 1990

Địa chỉ: Tổ 42, phường HHN, quận LC, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

**\* Bị đơn:** Ông **Bành Diệp B** - Sinh năm 1989

Địa chỉ: Tổ 42, phường HHN, quận LC, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**\* Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Lê Thị Tr trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Bành Diệp B kết hôn với nhau năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND phường HHN, quận LC, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi về sống tại tổ 42, Phường HHN, quận LC, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống vợ chồng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan

điểm sống, ông B có tính vũ phu, không có trách nhiệm của người chồng trong gia đình, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm, lo lắng chăm sóc cho nhau. Do hôn nhân không hạnh phúc, tôi không còn tình cảm với ông B nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn với ông Bành Diệp B.

+ Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung Bành Diệp Trúc L - Sinh ngày 10.01.2014.

Quá trình tham gia tố tụng, ly hôn tôi yêu cầu được nuôi con chung Bành Diệp Trúc L - Sinh ngày 10.01.2014 và yêu cầu ông Bành Diệp B cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 3.000.000 đồng/ tháng. Tuy nhiên tại phiên tòa, tôi nhận thấy hiện nay con đang ở ổn định cùng với ông Bành Diệp B và gia đình ông bà nội, bản thân tôi chưa ổn định cuộc sống nên tôi muốn giao con chung Bành Diệp Trúc L cho ông Bành Diệp B nuôi dưỡng, tôi không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: tôi xác nhận không có.

- Về nợ chung: tôi xác nhận không có

\* Bị đơn là ông Bành Diệp B không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Tr, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 08.07.2020; không tham gia các phiên hòa giải vào ngày 24.07.2020 mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

#### **\* Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu:**

**Về thủ tục tố tụng:** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn là ông Bành Diệp B chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

**Về nội dung:** Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56 luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Tr xin ly hôn đối với ông Bành Diệp B.

Về quan hệ con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 81, 82 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Tr, giao con chung Bành Diệp Trúc L - Sinh ngày 10.01. 2014 cho ông B nuôi dưỡng. Bà Tr không cấp dưỡng nuôi con chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Tranh chấp ly hôn giữa bà Lê Thị Tr và ông Bành Diệp B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho đương sự vắng mặt theo quy định tại các Điều 208; 209; 210; 211 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, đương sự không xuất trình thêm chứng cứ mới.

Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, bị đơn ông Bành Diệp B vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

**[2] Về nội dung tranh chấp:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Lê Thị Tr và ông Bành Diệp B có thời gian tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường HHN, quận LC, thành phố Đà Nẵng. Việc kết hôn giữa bà Tr và ông B là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối và không trái với quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà Tr và ông B là hợp pháp.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bà Lê Thị Tr xác nhận trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn. Theo bà Tr thì nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, ông B có tính vũ phu, không có trách nhiệm của người chồng, vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm, lo lắng chăm sóc cho nhau. Do hôn nhân không hạnh phúc bà đã hết tình cảm với ông B nên mong muốn được ly hôn. Chính quyền địa phương nơi bà Tr, ông B cư trú xác nhận vợ chồng không còn chung sống với nhau, mâu thuẫn cụ thể địa phương không rõ.

Bị đơn ông Bành Diệp B quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được triệu tập họp lệ nhưng đều không có mặt để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của bà Tr, điều này thể hiện thái độ thiếu thiện chí trong việc hàn gắn hôn nhân đồng thời chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà Tr, ông B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc bà Tr yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- **Về con chung :** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà Lê Thị Tr xác nhận có 01 con chung Bành Diệp Trúc L - Sinh ngày 10.01. 2014. Ông Bành Diệp B không có ý kiến phản đối nên căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự công nhận việc bà Tr, ông B có 01 con chung là sự thật. Ly hôn, bà Tr mong muốn tiếp tục giao con chung Bành Diệp Trúc L - Sinh ngày 10.01. 2014 cho ông B nuôi dưỡng, bà Tr không cấp dưỡng nuôi con chung. Hội

đồng xét xử thấy cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên sau ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, ông Bành Diệp B không trình bày ý kiến về vấn đề con chung. Theo biên bản xác minh ngày 27.07.2020 thì chính quyền địa phương nơi bà Tr, ông B cư trú xác nhận hiện nay cháu Bành Diệp Trúc L đang sống với ông Bành Diệp B tại phường HHN, quận LC, TP Đà Nẵng. Do đó, việc bà Tr yêu cầu tiếp tục giao con chung cho ông B nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung. Vì vậy, căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, HĐXX quyết định giao con chung Bành Diệp Trúc L - Sinh ngày 10.01. 2014 cho ông B nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tại phiên toà hôm nay bà Lê Thị Tr khẳng định không cấp dưỡng nuôi con. Ông Bành Diệp B không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Bà Lê Thị Tr xác nhận không có.

- *Về nợ chung*: Bà Lê Thị Tr xác nhận không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Bành Diệp B không có ý kiến gì đối với các vấn đề tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này bà Tr, ông B có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

- **Về án phí**: Bà Lê Thị Tr phải nộp 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: - Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;  
- Các Điều 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;  
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Lê Thị Tr.**

- **Về quan hệ hôn nhân**: Bà Lê Thị Tr – sinh năm 1990 được ly hôn với ông Bành Diệp B – sinh năm 1989.

Giấy chứng nhận kết hôn số 122/2013, quyển số 01/2013 ngày 23.09.2013 của Ủy ban nhân dân phường HHN, quận LC, thành phố Đà Nẵng không còn giá trị pháp lý.

- **Về con chung**: Giao con chung Bành Diệp Trúc L - Sinh ngày 10.01. 2014 cho ông Bành Diệp B trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Lê Thị Tr không cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

**2. Về án phí:** Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) bà Lê Thị Tr phải nộp, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0004407 ngày 25.05.2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Như vậy, bà Lê Thị Tr đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

**3. Về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án:**

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 30.09.2020.

Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07 và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát Liên Chiểu;
- Chi cục THADS Liên Chiểu;
- UBND phường HHN,  
Quận LC, TP Đà Nẵng;
- Hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Thanh Thủy**

